

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DSST

Ngày: 19/3/2019

V/v: "Tranh chấp hợp đồng
góp hui"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Em.

2. Ông Trần Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà La Thị Thúy Vi - kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc **"Tranh chấp hợp đồng góp hui"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn:

Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn:

Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2018, bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Vào năm 2017 đến năm 2018, bà H có làm chủ hui và bà Nguyễn Thị Trúc G, ông Nguyễn Tuấn D có vô hui cụ thể như sau:

Hui 5.000.000đồng/tháng, khai ngày 25/6/2017, mãn hui vào ngày 25/01/2019 hui này gồm 20 phần, ông D-bà G vô 01 phần hui và đã hốt thàng đầu tiên. Ông D-bà

G đã đóng hui chết đến ngày 25/6/2018 thì ngưng không đóng hui nữa. Dây hui này ông D-bà G còn nợ lại 8 tháng hui là 40.000.000đồng.

Hui 5.000.000đồng/tháng, khai ngày 15/10/2017, mãn hui vào ngày 15/6/2019 hui này gồm 21 phần, ông D-bà G vô 01 phần hui và đã hốt tháng đầu tiên. Ông D-bà G đã đóng hui chết đến ngày 15/6/2018 thì ngưng không đóng hui nữa. Dây hui này ông D-bà G còn nợ lại 13 tháng hui là 65.000.000đồng.

Hui 3.000.000đồng/tháng, khai ngày 15/9/2017, mãn hui vào ngày 15/4/2019 hui này gồm 20 phần, ông D-bà G vô 01 phần hui và đã hốt tháng đầu tiên. Ông D-bà G đã đóng hui chết đến ngày 15/6/2018 thì ngưng không đóng hui nữa. Dây hui này ông D-bà G còn nợ lại 11 tháng hui là 33.000.000đồng.

Hui 5.000.000đồng/tháng, khai ngày 20/4/2018, mãn hui vào ngày 15/6/2019 hui này gồm 21 phần, ông D-bà G vô 01 phần hui và đã hốt tháng đầu tiên. Ông D-bà G đã đóng hui chết đến ngày 25/6/2018 thì ngưng không đóng hui nữa. Dây hui này ông D-bà G còn nợ lại 19 tháng hui là 95.000.000đồng.

Tổng 4 dây hui này tính đến mãn hui bà G- ông D còn nợ bà H là 233.000.000đồng.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà G ông D liên đới trả cho bà số tiền hui còn nợ là 233.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, những lời khai tiếp theo, bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc G trình bày:

Bà G thừa nhận có vô 4 dây hui do bà H làm chủ như bà H đã trình bày và đã hốt hết các phần hui đã vô. Bà G hốt hui là để lo trả nợ, lo gia đình và một phần vào việc xây cất nhà. Tính đến khi mãn hui bà G còn nợ tiền hui bà H là 233.000.000đồng. Do hiện nay còn nợ nhiều người, bà G xin trả dần số tiền trên. Riêng ông D chồng bà G cho rằng không liên quan đến tiền hui của bà G hốt nên không đồng ý đến tòa cũng như cùng bà G trả nợ cho bà H.

Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn D được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vắng mặt không lý do. Tòa án đã lập biên bản hòa giải không được đối với ông D, Tòa án đã lập Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 BLTTDS, Điều 471 BLDS, Điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Điều 27, 37 Luật HNGĐ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu vợ chồng bà G -ông D trả cho bà H số tiền hui chết là 233.000.000đồng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Tuấn D bà Nguyễn Thị Trúc G được Tòa án tổng đặt hợp lệ đến lần thứ 2 để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông D, bà G là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hui” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H và bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc G ông Nguyễn Tuấn D được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, Điều 471 BLDS. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H cho rằng bà Nguyễn Thị Trúc G ông Nguyễn Tuấn D còn nợ bà H số tiền hui là 233.000.000đồng. Chứng cứ khởi kiện là các Tờ giấy biên nhận nhận hót hui được bà G ký. Đồng thời bà G cũng thừa nhận còn nợ số tiền hui này của bà H.

HĐXX xét thấy: Tại Bản tự khai ngày 18/12/2018 của bà G, Biên bản hòa giải ngày 18/12/2018, 30/01/2019, 18/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bà G đã thừa nhận có vô 4 dây hui do bà H làm chủ và đã hót 4 dây hui như bà G trình bày. Bà G hiện còn nợ bà H số tiền hui là 233.000.000đồng. Đến nay bà G chưa trả số tiền nợ này, ông D là chồng của bà G cũng không đồng ý cùng bà G trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hiện nay bà G, ông D là vợ chồng, vẫn còn sống chung. Bà G khai nhận việc bà G hót hui là để trả tiền nợ, lo kinh tế trong gia đình và một phần lo xây cất nhà. Như vậy, việc bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà G-ông D liên đới trả số tiền hui 233.000.000đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy cần buộc vợ chồng bà G ông D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền hui còn nợ là 233.000.000đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

Tại tòa bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 233.000.000đồng nêu trên được ghi nhận.

[4] Về án phí DSST có giá ngạch 5%: Bà G-ông D phải liên đới nộp theo quy định của pháp luật: $233.000.000\text{đồng} \times 5\% = 11.650.000\text{đồng}$ (Mười một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 147, 227, 232, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Điều 27, 37 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H việc yêu cầu vợ

chồng bà Nguyễn Thị Trúc G- ông Nguyễn Tuấn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ hui.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị Trúc G- ông Nguyễn Tuấn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ hui là 233.000.000đồng (*Hai trăm ba mươi ba triệu đồng*).

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà H, khoản tiền hoàn trả nêu trên chưa thi hành sẽ được áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

3/ Án phí DSST có giá ngạch 5%:

Bà G-ông D phải liên đới nộp là 11.650.000đồng (*Mười một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.838.000đồng (*Năm triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0020583 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D, bà G được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Các bên đương sự
- Chi cục THA dân sự huyện
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Thị Phượng